

Handwritten signature



(Cay (A))

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm (Vinavico) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01003002292 ngày 28 tháng 5 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 14 ngày 22/12/2015 về việc thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh và địa chỉ trụ sở của Công ty. Mã số doanh nghiệp hiện nay của Công ty là 0101377725.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/12/2015 là 69.583.450.000 đồng (Sáu chín tỷ năm trăm tám ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom với mã cổ phiếu là CTN. Cổ phiếu bị đưa vào diện hạn chế giao dịch do vốn chủ sở hữu không dương bị cảnh báo từ ngày 08/4/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Chủ tịch HĐQT
	Ông Lê Văn Trung	Ủy viên
	Ông Chu Anh Đức	Ủy viên
	Ông Lê Hữu Hải	Ủy viên
	Ông Phạm Ngọc Phúc	Ủy viên
	Ông Đinh Huỳnh Môn	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Chu Anh Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Bá Gắng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Chu Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số 338/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục hàng tồn kho trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Do chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các công ty liên kết và các công ty khác nên chúng tôi chưa xác định được ảnh hưởng những khoản lãi, lỗ (nếu có) của các công ty này tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh.

Tại ngày 31/12/2016 tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn 110.006.884.118 đồng, lỗ lũy kế 69.997.769.011 đồng, điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh trên cơ sở hoạt động liên tục. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá để xây dựng kế hoạch kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí, gia hạn các khoản nợ vay Ngân hàng. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên giả định hoạt động liên tục của Công ty là phù hợp.



A blue handwritten signature.

Đình Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		401.406.621.825	444.517.144.993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.374.950.007	1.850.324.368
1. Tiền	111		5.374.950.007	1.850.324.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		221.970.877.345	290.135.585.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	130.189.104.302	193.356.262.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.647.668.614	40.016.574.638
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	3.510.266.339	3.537.266.339
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	67.164.596.062	61.123.796.905
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(10.540.757.972)	(7.898.314.995)
IV. Hàng tồn kho	140		173.299.109.555	152.531.234.789
1. Hàng tồn kho	141	5.6	173.299.109.555	152.531.234.789
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		761.684.918	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		761.684.918	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.860.123.885	131.427.758.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.865.524.090	26.526.899.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	20.865.524.090	26.526.899.636
- Nguyên giá	222		96.601.440.298	95.574.087.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.735.916.208)	(69.047.187.662)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		591.604.920	591.604.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(591.604.920)	(591.604.920)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	91.368.717.937	94.184.901.664
1. Đầu tư vào công ty con	251		73.887.713.000	73.887.713.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.226.645.000	19.226.645.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		650.000.000	3.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.395.640.063)	(2.329.456.336)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.625.881.858	10.715.957.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	12.625.881.858	10.715.957.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		526.266.745.710	575.944.903.693

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

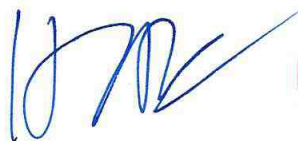
	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		511.413.505.943	546.355.813.142
I. Nợ ngắn hạn	310		511.413.505.943	546.355.813.142
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	187.314.746.240	161.462.282.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		120.192.076.455	202.112.718.097
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	19.312.579.666	18.636.683.135
4. Phải trả người lao động	314		5.932.793.148	7.150.819.148
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	74.772.283.556	63.329.436.917
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	51.413.215.730	40.068.043.873
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	52.531.316.738	53.555.271.492
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(55.505.590)	40.558.410
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.853.239.767	29.589.090.551
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	14.853.239.767	29.589.090.551
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		69.583.450.000	69.583.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.679.340.000	31.679.340.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(23.826.463.682)	(23.826.463.682)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.414.682.460	7.414.682.460
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.997.769.011)	(55.261.918.227)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế</i>				
- đến cuối kỳ trước	421a		(55.261.918.227)	(56.785.204.612)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.735.850.784)	1.523.286.385
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
(440 = 300+400)	440		526.266.745.710	575.944.903.693

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Công Đường



Chu Anh Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	204.240.774.358	214.814.768.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		204.240.774.358	214.814.768.175
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	195.850.370.608	252.503.313.291
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.390.403.750	(37.688.545.116)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	33.910.308	3.636.877.758
7. Chi phí tài chính	22	5.20	5.299.255.941	5.254.959.378
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.177.395.772	4.884.371.378
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	14.483.917.910	15.508.756.390
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(11.358.859.793)	(54.815.383.126)
11. Thu nhập khác	31		403.010.767	75.176.971.065
12. Chi phí khác	32		3.780.001.758	18.838.301.554
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	(3.376.990.991)	56.338.669.511
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(14.735.850.784)	1.523.286.385
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(14.735.850.784)	1.523.286.385

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải



Nguyễn Công Đường



Chu Anh Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.735.850.784)	1.523.286.385
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		7.903.728.546	8.707.942.222
- Các khoản dự phòng	03		2.708.626.704	2.731.389.212
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(213.910.308)	(73.224.116.749)
- Chi phí lãi vay	06		5.177.395.772	5.568.189.378
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		839.989.930	(54.693.309.552)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.760.580.596	(111.217.697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.767.874.766)	9.604.611.962
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.374.701.158)	1.487.639.480
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.909.924.458)	(1.466.821.519)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.624.983.059)	(6.011.409.880)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(219.704.311)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(96.064.000)	(171.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.827.023.085	(51.581.711.517)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.242.353.000)	(17.936.364.915)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		180.000.000	881.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	110.030.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.750.000.000	1.816.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.910.308	3.623.977.732
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		721.557.308	98.415.430.999
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		48.211.664.829	46.426.172.947
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.235.619.583)	(127.648.517.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.023.954.754)	(81.222.344.544)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.524.625.639	(34.388.625.062)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.850.324.368	36.238.949.430
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.374.950.007	1.850.324.368

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Đường

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Chu Anh Đức

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm (Vinavico) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01003002292 ngày 28 tháng 5 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 14 ngày 22/12/2015 về việc thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh và địa chỉ trụ sở của Công ty. Mã số doanh nghiệp hiện nay của Công ty là 0101377725.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/12/2015 là 69.583.450.000 đồng (Sáu chín tỷ năm trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom với mã cổ phiếu là CTN. Cổ phiếu bị đưa vào diện hạn chế giao dịch do chủ sở hữu không dương. Bị cảnh báo từ ngày 08/4/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân trong năm 2016: 181 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình ngầm, dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây, trạm biến áp đến 110KV;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, quản lý các dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất máy móc, thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất các sản phẩm điện tử tin học; chế tạo trang thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất, buôn bán máy móc, thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; lắp đặt thiết bị, máy móc cho các dự án môi trường; lắp đặt trang thiết bị môi trường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng trong xây dựng và vật liệu xây dựng; buôn bán máy móc, thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; buôn bán thiết bị, máy móc cho các dự án môi trường; mua bán các sản phẩm điện tử tin học;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức các chương trình hội nghị, hội thảo, quảng cáo;
- Quảng cáo
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet: Kinh doanh thương mại điện tử;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2016 : Thi công các công trình xây lắp.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty CP PIPE JACKING Việt Nam	Xây dựng	92,36%	92,36%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng, thăm dò khai thác khoáng sản.	24,66%	24,66%
Công ty Cổ phần Năng Lượng Vinavico	Xây dựng	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vinacico	Khai khoáng và sản xuất các SP từ khai khoáng.	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	Lập trình, thiết kế website, xây dựng website, thiết kế phần mềm.	40,00%	40,00%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2016 tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn 110.006.884.118 đồng, lỗ lũy kế 69.997.769.011 đồng. Điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh trên cơ sở hoạt động liên tục. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và chưa bao gồm các khoản điều chỉnh cần thiết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm .

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016
	Số năm
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí sửa chữa máy. Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê là 47 năm. Chi phí sửa chữa máy thì công được phân bổ theo Phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm .

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình và diễn ra trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	638.206.999	234.157.109
Tiền gửi ngân hàng	4.736.743.008	1.616.167.259
Tổng	5.374.950.007	1.850.324.368

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ban quản lý DA thủy điện 1	32.246.044.533	32.246.044.533
Ban Điều hành DA Buôn Kuốp	-	21.749.888.242
BĐH dự án thủy điện Hủa Na	5.254.456.565	26.104.415.600
BĐH Dự án Thác Mơ	5.420.513.629	17.448.528.476
Tổng Cty XD Lũng Lô - Dự án Đèo Cả	12.684.974.826	26.862.615.208
Công ty CP điện VIETRACIMEX Lào Cai	26.584.095.566	26.584.095.566
Ban quản lý dự án thủy điện Sông Bung 2	13.089.043.131	7.741.178.817
Các đối tượng phải thu khác	34.909.976.052	34.619.496.507
Tổng	130.189.104.302	193.356.262.949

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGÀM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
+ Công ty CP Thương mại - Dịch vụ Quốc tế An Thịnh	2.360.000.000	(2.360.000.000)	2.360.000.000	(2.360.000.000)
+ Công ty CP Sản xuất vật liệu mới Vinavico	1.077.935.369	(1.077.935.369)	1.077.935.369	(1.077.935.369)
+ Công ty Cổ phần đa phương tiện truyền thông VINACO	18.930.970	-	18.930.970	-
+ Các cá nhân khác	53.400.000	-	80.400.000	-
Tổng	3.510.266.339	(3.437.935.369)	3.537.266.339	(3.437.935.369)

5.4 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	67.164.596.062	(2.021.502.709)	61.123.796.905	(456.252.434)
Phải thu khác	60.484.979.851	(2.021.502.709)	58.557.069.312	(456.252.434)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	430.268.774	-	428.973.924	-
- Phải thu người lao động và các cá nhân bồi thường	1.011.470.563	(456.252.434)	1.011.470.563	(456.252.434)
- Công ty CP Đèo Cả - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	9.043.240.514	(1.243.860.835)	7.116.624.825	-
- Ký cược, ký quỹ	3.948.346.545	-	768.609.830	-
- Tạm ứng	2.731.269.666	(321.389.440)	1.798.117.763	-
- Dư Nợ TK 3388	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	67.164.596.062	(2.021.502.709)	61.123.796.905	(456.252.434)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGÂM
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.5 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	10.540.757.972	-	8.027.843.035	129.528.040
Tổng	10.540.757.972	-	8.027.843.035	129.528.040

Trong đó:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 6 tháng đến 12 tháng	Từ 1-2 năm	Từ 2-3 năm	Trên 3 năm
Phải thu khác				2.021.502.709
<i>Dương Minh Toan</i>				2.021.502.709
Phải thu khách hàng				712.566.204
<i>Công ty cổ phần Việt Phong</i>				426.806.750
Các đối tượng khác				285.759.454
Trả trước cho người bán				4.368.753.690
<i>Công ty TNHH tư vấn XD Pacific</i>				711.828.000
<i>Công ty CPTM xây dựng số 1 Thăng Long</i>				920.886.000
Các đối tượng khác				2.736.039.690
Phải thu về cho vay ngắn hạn				3.437.935.369
<i>Công ty CP Thương mại - Dịch vụ Quốc tế An Thịnh</i>				2.360.000.000
<i>Công ty CP Sản xuất vật liệu mới Vinavico</i>				1.077.935.369
Tổng				10.540.757.972

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.900.059.595	-	15.122.847.500	-
Công cụ, dụng cụ	785.294.060	-	831.670.525	-
Chi phí SX KDDD	160.148.309.826	-	133.633.673.174	-
Hàng hóa	311.888.764	-	-	-
Hàng gửi bán	4.153.557.310	-	2.943.043.590	-
Tổng	173.299.109.555	-	152.531.234.789	-

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	88.202.138.131	6.771.808.189	600.140.978	95.574.087.298
Tăng trong năm	2.242.353.000	-	-	2.242.353.000
Mua trong năm	2.242.353.000	-	-	2.242.353.000
Giảm trong năm	1.215.000.000	-	-	1.215.000.000
Thanh lý, nhượng bán	1.215.000.000	-	-	1.215.000.000
Số dư tại 31/12/2016	89.229.491.131	6.771.808.189	600.140.978	96.601.440.298
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	63.002.879.936	5.907.527.968	136.779.758	69.047.187.662
Tăng trong năm	7.294.087.515	560.010.932	49.630.099	7.903.728.546
Khấu hao trong năm	7.294.087.515	560.010.932	49.630.099	7.903.728.546
Giảm trong năm	1.215.000.000	-	-	1.215.000.000
Thanh lý, nhượng bán	1.215.000.000	-	-	1.215.000.000
Số dư tại 31/12/2016	69.081.967.451	6.467.538.900	186.409.857	75.735.916.208
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	25.199.258.195	864.280.221	463.361.220	26.526.899.636
Tại 31/12/2016	20.147.523.680	304.269.289	413.731.121	20.865.524.090

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 9.987.237.135
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.067.187.904

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Chi phí nghiên cứu	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2016	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	447.604.920	144.000.000	591.604.920
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2016	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	447.604.920	144.000.000	591.604.920
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	-	-	-
Tại 31/12/2016	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 591.604.920

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2016		01/01/2016		Đơn vị tính: VND	
	Vốn giữ năm	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ phần PIPE JACKING Việt Nam	80%	80%	73.887.713.000	-	73.887.713.000	73.887.713.000	-	73.887.713.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	24,66%	24,66%	19.226.645.000	(1.854.840.063)	19.226.645.000	19.226.645.000	(1.854.840.063)	(1.854.840.063)
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico	30,00%	30,00%	4.109.080.000	-	4.109.080.000	4.109.080.000	-	4.109.080.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vinavico	20,00%	20,00%	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	40,00%	40,00%	660.000.000	-	660.000.000	660.000.000	-	660.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác								
Góp vốn cổ phần								
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam	-	-	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000	-	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình	-	-	-	-	350.000.000	350.000.000	(83.966.273)	(83.966.273)
Đầu tư cổ phiếu								
Công ty Cổ phần Vinavico	-	-	650.000.000	(540.800.000)	650.000.000	650.000.000	(390.650.000)	(390.650.000)
Tổng			93.764.358.000	(2.395.640.063)	96.514.358.000	96.514.358.000	(2.329.456.336)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGÀM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	12.625.881.858	10.715.957.400
Chi phí thuê văn phòng	8.815.178.612	9.029.903.425
Chi phí sửa chữa	3.810.703.246	1.686.053.975
Tổng	12.625.881.858	10.715.957.400

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	187.314.746.240	187.314.746.240	161.462.282.070	161.462.282.070
Công ty Cavico Cầu hầm	23.968.985.169	23.968.985.169	28.625.599.821	28.625.599.821
Công ty Vinavico	14.516.992.032	14.516.992.032	13.352.785.176	13.352.785.176
Incom-Bản Chát	14.237.783.168	14.237.783.168	14.787.783.168	14.787.783.168
Công ty CP Xây dựng số 5	134.590.985.871	134.590.985.871	104.696.113.905	104.696.113.905
Các đối tượng phải trả khác	187.314.746.240	187.314.746.240	161.462.282.070	161.462.282.070
Tổng	187.314.746.240	187.314.746.240	161.462.282.070	161.462.282.070

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		31/12/2016	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp	18.636.683.135	2.903.909.326	2.228.012.795	19.312.579.666
Thuế giá trị gia tăng	14.234.672.339	2.739.041.127	2.225.012.795	14.748.700.671
Thuế XNK	25.876.913	-	-	25.876.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.452.500.538	-	-	3.452.500.538
Thuế thu nhập cá nhân	923.633.345	161.868.199	-	1.085.501.544
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	-	-	-	-

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	74.772.283.556	63.329.436.917
Trích trước chi phí lãi vay	27.202.037.956	24.948.770.023
Trích trước chi phí các công trình	47.570.245.600	38.380.666.894
Dài hạn	-	-
Tổng	74.772.283.556	63.329.436.917

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	51.413.215.730	40.068.043.873
Kinh phí công đoàn	23.978.513	8.368.145
Bảo hiểm xã hội	3.639.904.108	3.228.615.561
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.083.967.500	2.083.967.500
Phải trả, phải nộp khác	45.665.365.609	34.747.092.667
<i>Công ty Cổ phần Vinavico đầu tư</i>	<i>27.807.013.890</i>	<i>18.289.622.778</i>
<i>Phạt thuế GTGT và bảo hiểm</i>	<i>15.971.834.181</i>	<i>12.223.957.795</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.886.517.538</i>	<i>4.233.512.094</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	51.413.215.730	40.068.043.873

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGÂM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

MẪU B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	52.531.316.738	52.531.316.738	48.211.664.829	49.235.619.583	53.555.271.492	53.555.271.492
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở Giao dịch	1.000.000	1.000.000	-	-	1.000.000	1.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt (1)	24.722.279.372	24.722.279.372	33.201.914.436	36.589.341.203	28.109.706.139	28.109.706.139
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt (2)	7.321.582.132	7.321.582.132	-	-	7.321.582.132	7.321.582.132
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex-Viettel (3)	13.077.455.234	13.077.455.234	9.951.765.193	11.667.293.180	14.792.983.221	14.792.983.221
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	4.079.000.000	4.079.000.000	4.079.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vinavico Đầu tư (4)	430.000.000	430.000.000	-	-	430.000.000	430.000.000
Phạm Thủy Phương (5)	2.200.000.000	2.200.000.000	10.000.000	10.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Nguyễn Thị Thu Hoài (6)	700.000.000	700.000.000	50.000.000	50.000.000	700.000.000	700.000.000
Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	-	-	618.985.200	618.985.200	-	-
Nguyễn Thị Lương	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	52.531.316.738	52.531.316.738	48.211.664.829	49.235.619.583	53.555.271.492	53.555.271.492



5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Căn cứ hợp đồng tín dụng số 34106.16.056.22505.TD, giá trị hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng, doanh số cho vay tối đa là 150.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động để thực hiện hợp đồng nguyên tắc xây dựng công trình số 0107/2014/HĐNT – ĐC ngày 01/07/2014 về việc thi công ½ hầm phía Bắc Đèo Cả thuộc dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả thuộc tỉnh Phú Yên và Tỉnh Khánh Hòa và hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0807/2015/HĐTCXL –ĐC ngày 08/07/2015: xây dựng ½ hầm phía Bắc Đèo Cả về việc thực hiện gói thầu 1A-2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả thuộc tỉnh Phú Yên và Tỉnh Khánh Hòa. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 19/02/2017, khi hết hạn mức tín dụng tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu, khả năng đáp ứng của mỗi bên hai bên có thỏa thuận về việc cấp hạn mức cho kỳ tiếp theo, thời hạn cấp mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không quá 9 tháng / khế ước. Lãi suất thả nổi: lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB, kỳ tính lãi: tiền lãi của mỗi khoản tín dụng sẽ được tính theo các kỳ tính lãi nối tiếp nhau, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là sản lượng thực hiện và quyền đòi nợ đã hình thành/hình thành trong tương lai theo hợp đồng nguyên tắc xây dựng công trình số 0107/2014/HĐNT – ĐC ngày 01/07/2014 về việc thi công ½ hầm phía Bắc Đèo Cả thuộc dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả thuộc tỉnh Phú Yên và Tỉnh Khánh Hòa và hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0807/2015/HĐTCXL –ĐC ngày 08/07/2015: xây dựng ½ hầm phía Bắc Đèo Cả về việc thực hiện gói thầu 1A-2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả thuộc tỉnh Phú Yên và Tỉnh Khánh Hòa.
- (2) Căn cứ theo hai hợp đồng tín dụng vay trung hạn chi tiết như sau:
- (a) Các điều kiện và điều khoản chung của hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 29.10.056.22505.DKTD ngày 04/06/2010 và hợp đồng tín dụng số 263.10.056.22505 ngày 16/08/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9,6 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bù đắp tiền thuê trụ sở văn phòng theo Hợp đồng kinh tế số 44.HĐTVPP/CC9-ĐT ký ngày 09/06/2008 giữa Vinaconex 9 và Vinavico;
 - + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân Khoản vay đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê văn phòng số 44.HĐTVPP/CC9-ĐT ký ngày 09/06/2008 giữa Vinaconex 9 và Vinavico và hệ thống điện động lực và chiếu sáng khu văn phòng, các hạng mục vách kính cường lực, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống nội thất văn phòng đi kèm;
- (b) Hợp đồng tín dụng số 168.10.056.22505.TD ngày 04/06/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay tối đa: 17.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư 03 máy khoan hầm và 02 máy xúc bánh theo hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm với Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng;
 - + Thời hạn cho vay: 36 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay;

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng tín dụng số 140512/TDM-VINAVICO với Công ty tài chính Cổ phần VINACONEX-VIETTEL ngày 14 tháng 05 năm 2012, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;

+ Phụ lục hợp đồng tín dụng số 010216/TDHM-VINAVICO-PL10

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Thời hạn của hợp đồng: tối đa 12 tháng tính cho từng lần rút vốn (theo từng giấy nhận nợ); Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex – Viettel đã gia hạn nợ cho Công ty đến năm 2017;

+ Lãi suất cho vay: áp dụng theo quy định của bên vay tại từng thời kỳ;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp đảm bảo khoản vay bằng các tài sản sau: Các tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng số 16/2010/TDHM-VINAVICO ký ngày 08/10/2010 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel; Nguồn thu từ các công trình dự án mà Công ty đã và đang thi công là dự án thủy điện Buôn Kuốp, dự án thủy điện Buôn Tua Srah, dự án thủy điện Nho Quế.

(4) Hợp đồng hỗ trợ tài chính giữa VINAVICO và Công ty CP VINAVICO Đầu tư: HĐ số 29092015 ngày 29/9/2015 số tiền 130 triệu, phục vụ sản xuất kinh doanh, thời gian hỗ trợ từ 29/9/2015 đến 29/9/2016, lãi suất 8%/năm, bảo đảm bằng tín chấp; và Hợp đồng số 20122015 ngày 20/12/2015 số tiền 300 triệu, thời gian từ ngày 20/12/2015 đến 20/12/2016, lãi suất 7%/năm, hình thức bảo đảm tín chấp.

(5) Bao gồm 2 hợp đồng hỗ trợ tài chính: Số 08042015 ngày 8/4/2015 số tiền 1 tỉ đồng, phục vụ sản xuất kinh doanh, thời gian từ 8/4/2015 đến 8/4/2016, lãi suất 8%/năm, bảo đảm bằng tín chấp; và Hợp đồng hỗ trợ số 02112015 số tiền 1,2 tỉ phục vụ sản xuất kinh doanh, thời gian từ 2/11/2015 đến 2/11/2016, lãi suất 8%/năm, hình thức bảo đảm bằng tín chấp.

(6) Hợp đồng hỗ trợ tài chính giữa VINAVICO và bà Nguyễn Thị Thu Hoài số tiền vay là 1.150.600.000 đồng. Mục đích: phục vụ nhu cầu tài chính ngắn hạn. Thời gian từ 25/9/2015 đến 25/03/2016. Lãi suất trong hạn : 8%/năm, lãi suất quá hạn 0%/năm. Hình thức bảo đảm: Tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	69.583.450.000	31.679.340.000	(23.826.463.682)	7.414.682.460	(56.785.204.612)	28.065.804.166
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.523.286.385	1.523.286.385
Số dư tại 31/12/2015	69.583.450.000	31.679.340.000	(23.826.463.682)	7.414.682.460	(55.261.918.227)	29.589.090.551
Số dư tại 01/01/2016	69.583.450.000	31.679.340.000	(23.826.463.682)	7.414.682.460	(55.261.918.227)	29.589.090.551
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(14.735.850.784)	(14.735.850.784)
Số dư tại 31/12/2016	69.583.450.000	31.679.340.000	(23.826.463.682)	7.414.682.460	(69.997.769.011)	14.853.239.767

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	69.583.450.000	69.583.450.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	69.583.450.000	69.583.450.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.958.345	6.958.345
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.958.345	6.958.345
Cổ phiếu phổ thông	6.958.345	6.958.345
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.087.500	2.087.500
Cổ phiếu phổ thông	2.087.500	2.087.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.870.845	4.870.845
Cổ phiếu phổ thông	4.870.845	4.870.845
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	12.720.126.856	10.011.775.476
Doanh thu hoạt động xây lắp	191.520.647.502	204.802.992.699
Tổng	204.240.774.358	214.814.768.175

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hàng bán	12.358.641.844	9.907.569.612
Giá vốn xây dựng	183.491.728.764	242.595.743.679
Tổng	195.850.370.608	252.503.313.291

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.910.308	3.636.877.758
Tổng	33.910.308	3.636.877.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	5.177.395.772	4.884.371.378
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	55.676.442	-
Lãi chậm thanh toán	-	683.818.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	66.183.727	(313.230.000)
Tổng	5.299.255.941	5.254.959.378

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.744.846.768	7.779.818.265
Chi phí vật liệu quản lý	179.579.354	358.233.307
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.981.711	163.632.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	599.439.377	420.545.488
Thuế phí và lệ phí	17.277.654	5.484.293
Chi phí dự phòng	2.642.442.977	3.044.619.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.182.353.061	2.218.189.677
Chi phí bằng tiền khác	1.006.997.008	1.518.233.720
Tổng	14.483.917.910	15.508.756.390

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	180.000.000	881.818.182
Đánh giá lại tài sản góp vốn	-	73.887.713.000
Thu vi phạm hợp đồng	190.611.167	142.023.313
Thu nhập khác	32.399.600	265.416.570
Tổng	403.010.767	75.176.971.065
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	-	5.182.292.191
Lãi chậm nộp thuế và bảo hiểm	3.747.876.386	12.223.957.795
Phạt hợp đồng	-	1.412.551.165
Chi phí khác	32.125.372	19.500.403
Tổng	3.780.001.758	18.838.301.554
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(3.376.990.991)	56.338.669.511

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGÀM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.23 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.880.795.510	104.521.938.823
Chi phí nhân công	13.036.046.168	28.718.770.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.903.728.546	8.707.942.222
Chi phí dự phòng	2.642.442.977	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.047.688.281	107.513.167.869
Chi phí khác bằng tiền	1.141.269.573	2.357.386.398
Tổng	258.651.971.055	251.819.206.062

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thu nhập	1.508.711.318	1.852.352.491

Giao dịch các bên liên quan khác

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Vinavico Infortech	Thầu phụ xây dựng công trình	-	518.906.323
Công ty đư & PT hạ tầng Vinavico	Thầu phụ xây dựng công trình	-	136.823.414
Công ty CP Vinavico Đầu tư	Thầu phụ xây dựng công trình	57.035.481.396	72.757.845.109
Công ty Vinavico Incom	Thầu phụ xây dựng công trình	-	23.781.544.453
Công ty cổ phần Pipe Jacking Việt Nam	Mua hàng	14.798.201.859	-

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cty CP ĐT&PT điện Miền Bắc 2 (Neddi 2) - Ngòi Phát	Thi công trình xây dựng	-	201.647.579
Công ty cổ phần Pipe Jacking Việt Nam	Bán hàng	13.138.349.097	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải trả người bán			
Công ty Vinavico Infortech	Thầu phụ xây dựng công trình	270.796.955	270.796.955
Công ty Đầu tư & PT Hạ tầng Vinavico	Thầu phụ xây dựng công trình	150.505.755	150.505.755
Công ty CP Vinavico đầu tư	Thầu phụ xây dựng công trình	22.892.470.512	6.246.047.534
Công ty Vinavico Incom (DA Srêpok3)	Thầu phụ xây dựng công trình	24.100.423.831	24.818.278.030
Tổng Vinaconex (Chuyển nhượng cổ phần)	Chuyển nhượng cổ phần	-	5.580.042.437
Công ty CP Vinavico Đất Việt	Thầu phụ xây dựng công trình	116.990.588	316.990.588
Các khoản phải thu			
	Tính chất giao dịch	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Vinavico đầu tư	Thầu phụ xây dựng công trình	-	8.885.310.305
Công ty Vinavico Incom (DA Srêpok3)	Thầu phụ xây dựng công trình	-	559.972.459
Công ty Khoáng sản Vinavico (DA Dadang)	Thầu phụ xây dựng công trình	778.150.561	32.000.000
Cty Vinavico New Materials	Thầu phụ xây dựng công trình	476.695.212	476.695.212
Cty CP Công nghiệp Khoáng Sản Vinavico	Thầu phụ xây dựng công trình	3.319.135.047	3.319.135.047
Phải thu khách hàng			
Cty CP ĐT&PT điện Miền Bắc 2 (Neddi 2) - Ngòi Phát	Thi công trình xây dựng	-	201.343.070
Công ty cổ phần Pipe Jacking Việt Nam	Bán hàng	3.859.994.820	-

6.2 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình và diễn ra trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

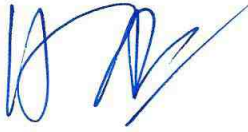
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Đường

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Chu Anh Đức